| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LONG HỒ**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 142/2019/HNGĐ-ST<br>Ngày: 11/11/2019<br>V/v "Tranh chấp ly hôn" | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Hữu Thành**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Trần Văn Hưng**

2. Ông **Nguyễn Văn Trước**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thế Anh** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên toà:* Không tham gia.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 87/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Lê Duy C**, sinh năm 1985

Địa chỉ: 141/10 ấp P, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

* Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Minh K**, sinh năm 1995

Địa chỉ: 141/10 ấp P, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà **Lê Thị Hoa**, sinh năm 1952 (xin vắng)

Địa chỉ: 141/10 ấp P, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

## NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Duy C trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết tìm hiểu nhau anh Lê Duy C và chị Nguyễn Thị Minh K đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/4/2016 tại UBND thị trấn L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, anh C đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không được, anh C và

chị K đã ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay. Nay anh C nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị K không còn nữa do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Lê Duy C yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh K.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Duy N, sinh ngày 17/12/2016. Hiện nay con chung đang sống cùng với chị K. Khi ly hôn, anh C đồng ý giao con chung cho chị K được tiếp tục nuôi dưỡng đồng thời anh C đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Minh K trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh K đồng ý ly hôn với anh Lê Duy C.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Duy N, sinh ngày 17/12/2016. Hiện nay con chung đang sống cùng với chị K. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đồng thời yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Minh K trình bày trong quá trình chung sống, chị K và anh C có tài sản chung là 10 chỉ vàng 24K và 07 chỉ vàng 18K là vàng cưới. Anh C đã mượn lại số vàng đó và đưa cho mẹ ruột của anh C là bà Lê Thị H. Nay chị K yêu cầu bà H trả lại toàn bộ số vàng đó cho chị K.

Ngày 02/8/2019, Tòa án đã có văn bản yêu cầu chị K cung cấp Đơn yêu cầu đối với việc chia tài sản chung và nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu của chị K theo quy định pháp luật (chị K đã nhận trực tiếp văn bản và ký tên) nhưng hết thời hạn mà chị K vẫn không cung cấp được chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa hôm nay*:

- Nguyên đơn anh Lê Duy C vẫn bảo lưu ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn với chị K và đồng ý giao con chung cho chị K nuôi dưỡng, tuy nhiên anh C yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo như đơn khởi kiện ban đầu, cụ thể anh C chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Lê Duy C khai mức thu nhập thực tế hàng tháng của anh là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Minh K không đồng ý ly hôn với anh Lê Duy C

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Lê Duy C có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân của anh và chị Nguyễn Thị Minh K. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết tìm hiểu nhau anh Lê Duy C và chị Nguyễn Thị Minh K đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/4/2016 tại UBND thị trấn L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Duy C, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Minh K không đồng ý ly hôn với anh Lê Duy C tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 18/10/2019, chị Nguyễn Thị Minh K đồng ý ly hôn với anh Lê Duy C hơn nữa trong quá trình chung sống, anh C và chị K phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, bản thân anh C đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không được nên anh C và chị K đã ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị K là tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh Lê Duy C yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh K là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Duy N, sinh ngày 17/12/2016. Hiện nay con chung đang sống cùng với chị K. Khi ly hôn, anh C đồng ý giao con chung cho chị K được tiếp tục nuôi dưỡng đồng thời anh C đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đồng thời yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi ly hôn anh Lê Duy C đồng ý giao con chung cho chị Nguyễn Thị Minh K được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục hơn nữa cháu Lê Duy N chưa đủ 36 tháng tuổi do đó cần giao cháu Lê Duy N cho chị Nguyễn Thị Minh K được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Minh K yêu cầu anh Lê Duy C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của chị K là có cơ sở bởi vì anh C là cha ruột của cháu Lê Duy N đồng thời là người không trực tiếp nuôi dưỡng, hơn nữa cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần được cấp dưỡng. Tuy nhiên yêu cầu của chị Nguyễn Thị Minh K yêu cầu anh Lê Duy C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là không có cơ sở chấp nhận toàn bộ bởi vì mức cấp dưỡng mà chị K yêu cầu là quá cao so với mức thu nhập cá nhân của

anh C là 6.000.000đ/tháng (Sáu triệu đồng/tháng), tại đơn khởi kiện anh C đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Do đó cần chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị Minh K, buộc anh Lê Duy C sau khi ly hôn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 110, Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Minh K trình bày trong quá trình chung sống, chị K và anh C có tài sản chung là 10 chỉ vàng 24K và 07 chỉ vàng 18K là vàng cưới. Anh C đã mượn lại số vàng đó và đưa cho mẹ ruột của anh C là bà Lê Thị H. Nay chị K yêu cầu bà H trả lại toàn bộ số vàng đó cho chị K. Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Minh K, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 02/8/2019, Tòa án đã có văn bản yêu cầu chị K cung cấp Đơn yêu cầu đối với việc chia tài sản chung và nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu của chị K theo quy định pháp luật (chị K đã nhận trực tiếp văn bản và ký tên) nhưng hết thời hạn mà chị K vẫn không cung cấp được chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án nên yêu cầu của chị K không được xem xét giải quyết. Chị K được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Lê Duy C là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Buộc anh Lê Duy C phải chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng các Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Duy C yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh K.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Duy N, sinh ngày 17/12/2016. Khi ly hôn, giao cháu Lê Duy N cho chị Nguyễn Thị Minh K được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục đồng thời anh Lê Duy C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng

2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Lê Duy C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc anh Lê Duy C nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0002160 ngày 25/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Buộc anh Lê Duy C nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hữu Thành**